

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CH S
TỈNH G L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HSST
Ngày 19/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CH S, TỈNH G L

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Tơ L, nguyên là Giáo viên trường THCS Nguyễn D, huyện Ch S, tỉnh G L.
2. Ông Võ Công H, Phó bí thư Huyện đoàn huyện Ch S, tỉnh G L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên M – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2018/TLST – HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXXST – HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 đối với các **bị cáo**:

1/Rmah T, sinh năm 1998; tại huyện Ch P, tỉnh G L; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Làng T M, xã I D, huyện Ch P, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Jarai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Siu Ch (đã chết) và bà Rmah H'ch, sinh năm 1969; Vợ: Kpă H'Th; Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 29/01/2018 đến ngày 04/02/2018; Bị tạm giam từ ngày 04/02/2018 cho đến nay, có mặt.

2/Kpă V, sinh năm 1999; tại huyện Ch P, tỉnh G L; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Làng T M, xã I D, huyện Ch P, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Jarai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Siu Ph, sinh năm 1969 và bà Kpă H'H, sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 29/01/2018 đến ngày 04/02/2018; Bị tạm giam từ ngày 04/02/2018 cho đến nay, có mặt.

3/Rmah M, sinh ngày 26/3/2000; tại huyện Ch P, tỉnh G L; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Làng T M, xã I D, huyện Ch P, tỉnh G L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình

độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Jarai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Siu B, sinh năm 1982 và bà Rmah H', sinh năm 1984; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 29/01/2018 đến ngày 04/02/2018; Bị tạm giam từ ngày 04/02/2018 cho đến nay, có mặt.

- **Người bào chữa cho các bị cáo: Rmah T, Kpă V và Rmah M:** Ông Lưu Đình Q, trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh G L. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người đại diện hợp pháp cho bị cáo M:** Có ông Siu B và bà Rmah H, là cha mẹ ruột của bị cáo M. Đều có mặt tại phiên tòa.

Trú tại: Làng T M, xã I D, huyện Ch P, tỉnh G L

- **Bị hại:** Anh Siu J, sinh năm 1993

Trú tại: làng S, xã I K, huyện Ch S, tỉnh G L. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

1/Kpă H, sinh năm 1987. Có mặt.

Trú tại: Làng TM, xã I D, huyện Ch P, tỉnh G L.

2/Bà Rmah H, sinh năm 1969, là mẹ ruột bị cáo T. Có mặt.

Trú tại: Làng T M, xã I D, huyện Ch P, tỉnh G L.

3/Kpă H'H, sinh năm 1961, là mẹ ruột bị cáo V. Có mặt.

Trú tại: Làng T M, xã I D, huyện Ch P, tỉnh G L.

- **Người phiên dịch:** Bà Nay H'Ch. Có mặt.

Trú tại: Trung tâm y tế huyện Ch S, tỉnh G L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 27/01/2018, Rmah T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter BKS: 81T1 – 047.90 của Kpă V chở theo Rmah M và Kpă V (tất cả cùng trú tại làng T M, xã I D, huyện Ch P, tỉnh G L) đi đến làng O B, xã I K, huyện Ch S để chơi nhạc sống và uống rượu. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Kpă V rủ Rmah M và Rmah T đến làng S, xã IK, huyện Ch S để đánh nhau, M, T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở M, V chạy đến làng S, IK nhưng mọi người đã đi ngủ nên T chở M, V đi về. Khi T điều khiển xe chạy đến khu vực lô cao su thuộc làng S, xã IK, lúc này anh Siu J (trú tại làng S, xã IK, huyện Ch S) điều khiển xe mô tô BKS: 81N5 – 0864 vượt qua xe của T đang điều khiển, do đoạn đường đất nên bụi đất bay vào người T, M và V nên V nói T điều khiển xe đuổi theo để đánh J, T nghe vậy thì điều khiển xe đuổi theo chặn xe của J lại. Lúc này, V, M xuống xe, V cầm theo 01 con dao dài khoảng 49 cm, còn M cầm theo 01 cục đá kích thước khoảng (4x5)cm đến gần xe của J, còn Rmah T thì ngồi trên xe mô tô nhìn V, M không chế anh J để lấy tài sản. Lúc này V kề dao vào cổ anh J và nói “có tiền không đưa đây để tao mua mì tôm” J trả lời “không có” ngay lúc này M cầm 01 cục đá vừa gõ vào đuôi xe của J và đe dọa “không có tiền thì đưa đồng hồ,

điện thoại, mày không đưa tao đập chết”. Khi bị V và M không chế, do sợ nên J đã lấy trong túi ra 19.000đồng đưa cho V. Sau khi J đưa tiền cho V thì M lấy 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đỏ J đang đội trên đầu. Khi lấy được tài sản thì T điều khiển xe mô tô chở M, V về nhà ngủ. Khi về đến nhà Rmah T hỏi Kpã V “ lấy được bao nhiêu tiền” V lấy tiền ra đếm được 19.000 đồng. Sau đó T cầm số tiền 19.000 đồng đi mua đồ ăn, tất cả cùng nhau sử dụng.

Ngày 01/02/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện kết luận giá trị tài sản bị thiệt hại như sau: 01 (một) chiếc mũ lưỡi trai màu đỏ, trên mũ có 3 dòng chữ adidas mới 100% có giá trị là 50.000đ, chiếc mũ này anh Siu J mua từ tháng 10/2017, đã qua sử dụng nên giá trị còn lại là 80%. Vậy giá trị tài sản bị chiếm đoạt là $50.000đ \times 80\% = 40.000đ$ (**Bốn mươi ngàn đồng nghìn đồng**).

Như vậy tổng giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ Cướp tài sản ngày 27/01/2018 là: **59.000 đồng**.

Tại Bản cáo trạng số 27/CT – VKS ngày 02/5/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, tỉnh G L đã truy tố các bị cáo Rma T, Kpã V và Rmah M về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt:

Bị cáo Kpã V từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Bị cáo Rmah T từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Bị cáo Rmah M từ 42 tháng đến 48 tháng tù.

Về phần dân sự: Không đề cập.

Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao là phương tiện các bị cáo sử dụng để cướp tài sản, là vật chứng của vụ án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về phần án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Người bào chữa đồng ý nội dung bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh cũng như về đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng như vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Ngoài ra người bào chữa còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn" theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Đồng thời đề nghị xem xét động cơ, mục đích, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của các bị cáo mà giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo không quá mức thấp nhất mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Những người tham gia tố tụng khác như: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ch S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của các bị cáo Rmah T, Kpã V và Rmah M tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 27/01/2018 tại khu vực lô cao su thuộc làng S, xã IK, huyện Ch S, tỉnh G L, Rmah T, Kpã V và Rmah M đã có hành vi sử dụng 01 cục đá có kích thước (4x5)cm và 01 con dao (loại dao thái thịt) dài 49cm, cán dao làm bằng sắt bên ngoài bọc gỗ dài 14cm, bề rộng nhất của dao là 6,8cm, không chế, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công anh Siu J nhằm chiếm đoạt tài sản của anh. Các bị cáo đã chiếm đoạt của anh J số tiền 19.000 đồng và 01 mũ lưỡi trai trị giá 40.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của anh J là: 59.000 đồng (Theo kết luận của Hội đồng định giá), nhằm mục đích vụ lợi cá nhân.

Vì vậy, các bị cáo T, V và M đã phạm tội cướp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch S truy tố.

Mặc dù, hành vi cướp tài sản của các bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh J trị giá 59.000đ, nhưng các bị cáo đã dùng dao dài khoảng 49 cm và 01 cục đá kích thước khoảng (4x5)cm là loại phương tiện nguy hiểm (theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 và tại tiểu mục 2.2 mục 2 Phần I Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17-4-2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) để phạm tội. Vì vậy, phải coi đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp.

[3]Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Làm cho quần chúng nhân dân hết sức bất bình. Chúng phạm tội không phải do hoàn cảnh mà do bản tính tham lam, lười biếng lao động, nhưng lại muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng, nên chiếm đoạt tài sản của người khác, nhằm thu lợi bất chính.

[4]Đây là vụ án có nhiều người cố ý cùng thực hiện tội phạm, nhưng không phải là phạm tội có tổ chức vì chưa có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vai trò của từng bị cáo thì thấy rằng:

[5]Đối với Kpă V là người khởi xướng việc phạm tội, chính bị cáo là người nói bị cáo T điều khiển xe mô tô quay xe lại đuổi theo chặn xe anh J. Khi T chặn được xe anh J thì bị cáo là người thực hành tích cực nhất, trực tiếp cầm dao đến đe dọa anh J: "Mày không đưa tiền, đồng hồ, điện thoại tao đập chết", chiếm đoạt tài sản của anh J với tổng giá trị 59.000 đồng.

[6]Đối với Rmah M: Là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp tài sản của anh J, khi thấy Kpă V dùng dao khống chế anh J, thấy anh J không đưa tiền, Moai cầm cục đá đe dọa đánh anh Jêng để chiếm đoạt tài sản của anh J với tổng giá trị 59.000 đồng.

[7]Đối với Rmah T: Là người thực hành, giúp sức tích cực trực tiếp điều khiển xe mô tô chặn anh J lại để cho V và M thực hiện hành vi cướp tài sản. Sau khi cướp xong T điều khiển xe mô tô chở V và M về và hỏi cướp được bao nhiêu tiền. T sử dụng số tiền Vinh và Moai cướp được đi mua mì tôm về dùng chung.

[8] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực xin tiền gia đình khắc phục, bồi thường đầy đủ thiệt hại cho anh J, anh J đã làm đơn bãi nại cho các bị cáo. Vì vậy, cần xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo M khi phạm tội bị cáo còn là người chưa thành niên, nên nhận thức về hành vi còn hạn chế. Do đó, cần áp dụng các Điều 90, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự để xử lý đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" đối với bị cáo V. Vì bị cáo V chỉ rủ bị cáo T và bị cáo M đuổi theo anh J để đánh, nhưng khi đuổi kịp anh J thì các bị cáo mới nảy sinh ý định và cướp tài sản của anh J.

[9]Hội đồng xét xử xét thấy, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, ý kiến đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ cần xem xét. Riêng đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn" theo điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Tội cướp tài sản khách thể bị xâm phạm trước hết là quan hệ nhân thân, thông qua đó các bị cáo mới xâm phạm khách thể là quan hệ tài sản. Hành vi của các bị cáo là hết sức nguy hiểm, trực tiếp đe dọa tính mạng, sức khỏe của người bị hại, nên không thể đo đếm được giá trị thiệt hại. Do đó, không có cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trên cho các bị cáo.

Các bị cáo nhất thời phạm tội, đều là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, nhưng trong khung hình phạt liền kề thấp hơn đối với các bị cáo như Vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa đề nghị là phù hợp, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa và tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sớm sửa chữa để trở thành người lương thiện.

Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo và áp dụng thêm các Điều 90, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo M. Xử phạt các bị cáo mức tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả mà các bị cáo gây ra. Xử phạt bị cáo V nặng hơn bị cáo T, xử phạt bị cáo M sau bị cáo T là phù hợp, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống phụ thuộc gia đình, chưa có tài sản riêng, bị cáo M là người chưa thành niên, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 6 Điều 168 của Bộ luật hình sự là phù hợp (Theo tinh thần Văn bản số 213/TANDTC-KHXX ngày 13/11/2014 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

[11] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh Siu J 2.200.000đ. Anh J và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự, do đó, Hội đồng xét xử miễn xét. Phần tiền ông Siu B, bà Rmah H, bà Rmah H, bà Kpă H'H bỏ ra bồi thường cho bị hại thay cho các bị cáo, nếu sau này không thỏa thuận được, có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[12] Về vật chứng:

- Đối với 01 cục đá có kích thước (4x5)cm như mô tả của Rmah M, là cục đá Rmah M dùng để đe dọa Siu J nhằm Cướp tài sản, sau khi lấy được tài sản Rmah M đã vứt cục đá tại lô cao su thuộc làng S, xã IK, huyện Ch S. Cơ quan cảnh sát điều

tra Công an huyện Ch S đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy (BL:80). Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đỏ, trên mũ có 3 dòng chữ adidas, qua điều tra xác định, chiếc mũ là tài sản hợp pháp của anh Siu J. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ch S đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc mũ trên cho anh Siu J (BL: 57,59) là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter BKS: 81T1 – 047.90 mà Kpă V cùng đồng bọn sử dụng làm phương tiện cướp tài sản. Qua điều tra, xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của chị Kpă H’Đ. Ngày 27/01/2018, Kpă V mượn xe của chị Kpă H’Đ để đi làm sau đó sử dụng đi cướp tài sản, chị Kpă H’Đ hoàn toàn không biết. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ch S đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả chiếc xe trên cho chị Kpă H’Đ (BL: 57,59) là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Đối với 01 con dao (loại dao thái thịt) dài 49cm, cán dao làm bằng sắt bên ngoài bọc gỗ dài 14cm, bề rộng nhất của dao là 6,8cm là phương tiện các bị cáo sử dụng để cướp tài sản, là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[13]Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Kpă V, Rmah T và bị cáo Rmah M phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Kpă V và bị cáo Rmah T.

Xử phạt:

-Bị cáo Kpă V 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 29/01/2018.

-Bị cáo Rmah T 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 29/01/2018.

3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 và các Điều 90, 91, 98, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Rmah M.

Xử phạt:

-Bị cáo Rmah M 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 29/01/2018.

4. Về phần dân sự: Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử tịch thu, tiêu hủy 01 con dao (loại dao thái thịt) dài 49cm, cán dao làm bằng sắt bên ngoài bọc gỗ dài 14cm, bề rộng nhất của dao là 6,8cm

(Vật chứng trên có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/5/2018 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Ch S và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ch S).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

7. Về kiến nghị: Không.

8. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo và người đại diện cho bị cáo Moai có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh G L để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Siu J vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- **Bị cáo;**
- **Bị hại;**
- **VKSND huyện Ch S;**
- **CA huyện Ch S;**
- **THAHS;**
- **CC.THADS huyện Ch S;**
- **TAND tỉnh G L;**
- **Lưu hồ sơ;**
- **Lưu án văn.**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình H